

# 僱主聘僱外國人申請書(外國人代僱主申請, 中越文版)

## Đơn xin tuyển dụng lao động người nước ngoài (người nước ngoài thay mặt chủ sử dụng lao động nộp đơn, phiên bản Trung Việt)

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>工作類別: Loại công việc</p> <p>5. 海洋漁撈工作、B0. 農、林、牧、魚塭養殖工作</p> <p>Công việc đánh bắt cá trên biển, B0. công việc nông, lâm, chăn nuôi, trại nuôi cá</p> <p><input type="checkbox"/> 漁業人 (自然人) Ngư dân (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> 漁業公司 (法人) Công ty ngư nghiệp (Pháp nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> 箱網養殖 (自然人) Nuôi lồng bè (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> 箱網養殖 (法人) Nuôi lồng bè (pháp nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B1 畜牧工作(自然人) Chăn nuôi gia súc (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B1 畜牧工作(法人) Chăn nuôi gia súc (pháp nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B2 農糧工作(自然人) Nông sản (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B2 農糧工作(法人) Nông sản (pháp nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B3 魚塭養殖工作(自然人) công việc trại nuôi cá (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B3 魚塭養殖工作(法人) công việc trại nuôi cá (pháp nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B4 其他農、林產業工作(自然人) Công việc ngành nông lâm khác (thể nhân)</p> <p><input type="checkbox"/> B4 其他農、林產業工作(法人) Công việc ngành nông lâm khác (pháp nhân)</p> | <p>申請項目:</p> <p>Hạng mục xin</p> <p>21 <input type="checkbox"/> 聘僱許可 Giấy phép tuyển dụng lao động</p> <p><input type="checkbox"/> 期滿續聘 Tiếp nhận tuyển dụng lao động sau khi hết hạn hợp đồng cũ</p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

請詳閱背面填表說明 Xin hãy đọc kỹ hướng dẫn điền đơn phía sau

| 外國人填寫欄位                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                         |                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |                                                                             |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| Cột điền thông tin người nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                         |                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |                                                                             |  |
| 國籍<br>Quốc tịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 護照號碼<br>Số hộ chiếu<br>(填表說明注意事項八)<br>(Xem Mục chú ý 8) | 外國人行動電話<br>Số điện thoại di động<br>(必填, 填表說明注意事項九)<br>(Bắt buộc, xem mục chú ý 9) |  |  |  |  |  |  |  | 外國人電子郵件<br>Email<br>(請擇一勾選, 填表說明注意事項九)<br>(Hãy chọn một ô, xem mục chú ý 9) |  |
| 越南<br>Người<br>Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                         |                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  | <input type="checkbox"/> 有 Có<br><input type="checkbox"/> 無 Không           |  |
| <p>本申請案回復方式: <input type="checkbox"/> 親取 <input type="checkbox"/> 郵寄外國人工作地址 (請擇一勾選)</p> <p>Cách thức nhận kết quả hồ sơ: <input type="checkbox"/> Đến lấy trực tiếp <input type="checkbox"/> gửi bưu điện đến địa chỉ làm việc của người nước ngoài (hãy chọn một ô)</p> <p>本人聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實, 如有虛偽, 願負法律上之一切責任。</p> <p>Tôi xin cam đoan tất cả thông tin đã điền trên tờ đơn này và giấy tờ kèm theo đơn đều đúng sự thật, nếu sai, tôi sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p>外國人簽名:</p> <p>Chữ ký người nước ngoài</p> |                                                         |                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |                                                                             |  |

| 僱主協助外國人填寫欄位                                                                                                                                                                                                          |  |                       |                   |  |                        |  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------|-------------------|--|------------------------|--|--|--|--|--|--|
| Cột dành cho chủ sử dụng lao động hỗ trợ người nước ngoài điền                                                                                                                                                       |  |                       |                   |  |                        |  |  |  |  |  |  |
| <p>僱主統一編號(法人請填公司統編, 自然人請填身分證號, 海洋漁撈請填 CT 號)</p> <p>Số ID chủ sử dụng lao động (nếu là pháp nhân hãy điền mã số công ty, nếu là thể nhân hãy điền số chứng minh thư, nếu là đánh bắt cá trên biển hãy điền số CT)</p> |  |                       |                   |  |                        |  |  |  |  |  |  |
| 審查費收據(有附則免填, 填表說明注意事項二)                                                                                                                                                                                              |  | 繳費日期                  | 年 月               |  | 郵局局號(6 碼)              |  |  |  |  |  |  |
| Biên lai phí thẩm tra (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 2)                                                                                                                                      |  | Ngày nộp phí          | Ngày/ tháng / năm |  | Mã bưu điện (6 chữ số) |  |  |  |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                                                      |  | 劃撥收據號碼(8 碼)或交易序號(9 碼) |                   |  |                        |  |  |  |  |  |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  | Số biên lai (8 chữ số) hoặc số giao dịch (9 chữ số)                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 就業安定費帳單寄送地址<br>Địa chỉ gửi biên lai phí đảm bảo việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  | <div> <div> □□□ 縣 鄉鎮 村 路 段 巷 弄 號<br/> 樓<br/> (郵遞區號) 市 市區 里 街<br/> □□□(Mã bưu điện) Huyện xã thị trấn<br/> đường đoạn ngõ ngách số tầng<br/> (Mã bưu điện) thành phố khu xóm phố </div> <div>thôn</div> </div> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 招募許可函文號(有附則免填，填表說明注意事項三)<br>Mã số giấy phép tuyển mộ (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 入國引進許可函文號(有附則免填，填表說明注意事項三)<br>Mã số giấy phép nhập cảnh (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 前任外國人資料(填表說明注意事項五)<br>Thông tin người nước ngoài trước đây (xem tại mục chú ý 5)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  | 國籍 Quốc tịch<br>護照號碼<br>Số hộ chiếu                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 原聘僱或接續聘僱許可函文號(有附則免填，期滿續聘需填寫，填表說明注意事項三)<br>Mã số giấy phép tuyển dụng lao động cũ hoặc mã số giấy phép tiếp nhận tuyển dụng (nếu đã đính kèm thì không cần điền, trường hợp tiếp nhận tuyển dụng sau khi hết hạn hợp đồng cũ thì cần phải điền, xem tại mục chú ý 3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 外國人入國通報證明書序號(有附則免填，填表說明注意事項四)<br>Mã số giấy chứng nhận thông báo người nước ngoài nhập cảnh (nếu đã đính kèm thì không cần điền, xem tại mục chú ý 4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 同意外國人代雇主申請聘僱許可切結書<br>Bản cam kết đồng ý người nước ngoài thay mặt chủ sử dụng lao động xin giấy phép tuyển dụng lao động<br>雇主 (統一編號: )同意由本案外國人(護照號碼: )<br>代為申請聘僱許可，並聲明本申請案所填寫資料及檢附文件等均屬實，如有虛偽，願負法律上之一切責任。<br>Chủ sử dụng lao động (Mã số ID: ) đồng ý cho phép người nước ngoài trong hồ sơ này (số hộ chiếu: ) thay mặt xin giấy phép tuyển dụng lao động và xin cam đoan tất cả thông tin đã điền trên tờ đơn này và giấy tờ kèm theo đơn đều đúng sự thật, nếu sai, sẵn sàng chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.<br>雇主: 負責人: (簽章)<br>Chủ sử dụng lao động Người phụ trách: (ký tên đóng dấu)<br>雇主市內電話: (不得填列私立就業服務機構之聯絡資訊)<br>Số điện thoại bàn của chủ sử dụng lao động: (không được điền thông tin liên hệ của tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân)<br>雇主行動電話: (不得填列私立就業服務機構之聯絡資訊)<br>Điện thoại di động của chủ sử dụng lao động: (không được điền thông tin liên hệ của tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân) |  |                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

電子郵件 Email : ☐有 Có

☐無 Không

※以上3項聯絡資訊，請確實填寫，雇主應依規定就市內電話或行動電話擇一填寫提供雇主本人或可聯繫至雇主之親友電話，如未確實填寫雇主聯絡電話，將不予核發許可。另聯絡資訊將作為本機關即時聯繫說明申請案件審查情形及後續聘僱管理注意事項之用，以利縮短案件審查時間，與保障雇主聘僱外國人之權益！

Xin hãy điền chính xác 3 thông tin liên hệ nói trên, chủ sử dụng lao động cần điền số điện thoại bàn hoặc số điện thoại di động theo quy định để cung cấp số điện thoại của bản thân hoặc của bạn bè người thân nhưng có thể liên hệ được với chủ sử dụng lao động, nếu không điền chính xác số điện thoại liên hệ của chủ sử dụng lao động thì sẽ không duyệt cấp giấy phép. Ngoài ra, thông tin liên hệ sẽ dùng để cơ quan kịp thời liên hệ giải thích tình hình thẩm tra hồ sơ và nội dung chú ý về quản lý tuyển dụng sau này, nhằm rút ngắn thời gian thẩm tra hồ sơ và bảo đảm quyền lợi cho chủ sử dụng lao động tuyển dụng người nước ngoài.

中 華 民 國

年

月

日

Trung Hoa Dân Quốc

Ngày

tháng

năm

(以下虛線範圍為機關收文專用區)

(Phạm vi đường kẻ đứt đoạn là mục dành riêng cho cơ quan nhận hồ sơ)

收文章 Dấu nhận hồ

收文號 Mã nhận hồ sơ :

sơ :

勞雇雙方已合意期滿續聘證明：原雇主申請續聘需填寫

Chúng nhận chủ sử dụng lao động và người lao động đã đồng ý gia hạn hợp đồng sau khi hết hạn hợp đồng lao động cũ: Chủ sử dụng lao động cũ xin gia hạn hợp đồng lao động cần điền:

本人與外國人

(護照號碼：

)

Bản thân tôi và người nước ngoài----- (số hộ chiếu: )

協議自原聘僱期限屆滿之翌日起由本人續聘。

Thỏa thuận rằng tôi sẽ tiếp nhận tuyển dụng người này kể từ ngày hôm sau ngày hết hạn hợp đồng lao động cũ.

雇主簽章:

外國人簽章:

Chủ sử dụng lao động ký tên đóng dấu:

Người nước ngoài ký tên đóng dấu:

填表說明注意事項：

**Nội dung chú ý khi điền đơn**

一、相關法規及申請程序，請依照本機關網站所載最新規定辦理。

1. Về những quy định pháp luật liên quan và trình tự xin, xin hãy thực hiện theo quy định mới nhất trên Website của cơ quan này.

二、審查費(100元)收據：分為電腦收據(白色)及臨櫃繳款收據(藍色)2種，填寫如下：

2. Biên lai chi phí thẩm tra (100 Đài tệ): bao gồm 2 loại là biên lai điện tử (màu trắng) và biên lai nộp tiền tại quầy (màu xanh), điền như sau:

(1) 電腦收據(各郵局開具之白色收據)：

Biên lai điện tử ( biên lai màu trắng được kê tại các bưu điện

範例 00002660 110/06/11 16:46:33 00002660 110/06/11

Ví dụ: 00002660 110/06/11 16:46:33

劃撥收據號碼(8碼)

Số biên lai (8 chữ số)

繳費日期

Ngày nộp phí

003110

郵局局號 Mã bưu điện

填寫 繳費日期：110年6月11日，郵局局號：003110，劃撥收據號碼(8碼)：00002660

Điền ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu chính : 003110, số biên lai (8 chữ số): 00002660

(2) 臨櫃繳款收據(郵局派本機關駐點開具之藍色收據)：

Biên lai nộp tiền tại quầy (biên lai màu xanh do bưu điện kê)

範例 右上角 B-5103097，經辦局章戳

|                |          |
|----------------|----------|
| 局號 Mã bưu điện | 000100-6 |
| 110.06.11      |          |

Ví dụ: Góc trên bên phải B-5103097, con dấu bưu điện

填寫 交易序號(9碼)：B-5103097，繳費日期：110年6月11日，郵局局號：000100

Điện số giao dịch (9 chữ số): B-5103097, ngày nộp phí: Trung Hoa Dân Quốc năm 110 tháng 6 ngày 11, Mã bưu điện: 000100

三、許可函文號：範例 勞○○○字第 1100641633 號，填寫為 1100641633

3. Mã số giấy phép: ví dụ 勞○○○字第 1100641633 號, hãy điền số 1100641633.

四、外國人入國通報證明書序號(申請國外引進外國人須填寫)：範例 右上角

00000123456789 填寫 00000123456789

4. Mã số giấy chứng nhận thông báo người nước ngoài nhập cảnh (Trường hợp xin nhập cảnh người nước ngoài thì phải điền): Ví dụ: Góc trên bên phải 00000123456789 điền 00000123456789.

五、提前申請入國引進及遞補者須填寫前任外國人資料。

5. Trường hợp xin nhập cảnh trước và thay thế bổ sung cần điền thông tin người nước ngoài trước đây.

六、☐請依實際情況勾選，如須檢附文件，務必檢附。

6. Hãy tích chọn (☐) theo tình hình thực tế, nếu cần phải đính kèm giấy tờ, thì bắt buộc phải đính kèm.

七、申請文件除政府機關、醫療機構、學校或航空公司核發或開具之證明文件外，應加蓋公司及負責人印章。

7. Những giấy tờ xin cần phải đóng dấu công ty và người phụ trách công ty ngoại trừ giấy tờ chứng nhận do cơ quan chính phủ, cơ sở y tế, trường học hoặc công ty hàng không cấp hoặc phát hành.

八、新任外國人請填護照號碼，倘非首次來臺受聘且有護照號碼異動之情事，應立即向內政部移民署辦理居留資料異動事宜。

8. Người nước ngoài hãy điền số hộ chiếu, nếu không phải lần đầu tiên sang Đài Loan làm việc và đã thay đổi số hộ chiếu, cần lập tức làm thủ tục thay đổi thông tin cư trú tại Sở Di Dân Bộ Nội Chính.

九、外國人行動電話必填，且不得與雇主或委任私立就業服務機構電話相同，未填寫者，將退請補正確認；電子郵件須勾選「有」或「無」，未勾選者，將退請補正確認，若勾選「有」，請確實填寫且不得與雇主或委任私立就業服務機構電子郵件相同。

9. Bắt buộc phải điền số điện thoại di động của người nước ngoài, và không được giống với số điện thoại của chủ sử dụng lao động hoặc cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân đã ủy thác, trường hợp không điền, sẽ bị trả lại để bổ sung xác nhận; Hòm thư email cần chọn “có” hoặc “không”, trường hợp chưa chọn sẽ trả lại để bổ sung xác nhận; nếu chọn “có” hãy điền đúng email và không được giống với email của chủ sử dụng lao động hoặc email của cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân đã ủy thác.

十、請據實填寫，如海洋漁撈、農、林、牧、魚塭養殖工作之自然人雇主所招募外國人入國後或簽署期滿續聘後雇主死亡，請檢附死亡證明書影本。若他人於自然人雇主死亡或漁船轉予新雇主或場址轉予新雇主後仍以其名義申請聘僱外國人或簽署期滿續聘外國人，將以違反就業服務法第5條第2項第5款規定論處。

10. Điền theo tình hình thực tế, nếu chủ sử dụng lao động là thể nhân tuyển dụng lao động nước ngoài làm công việc đánh bắt cá trên biển, nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và nuôi cá, sau khi lao động nước ngoài nhập cảnh hoặc sau khi ký gia hạn hợp đồng lao động bị từ vong, thì cần đính kèm theo bản sao giấy chứng tử. Nếu người khác sau khi chủ sử dụng lao động đó chết hoặc tàu cá chuyển sang cho chủ mới hoặc nơi làm việc chuyển sang cho chủ mới vẫn lấy danh nghĩa của họ để tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc ký gia hạn hợp đồng lao động, thì sẽ bị xử phạt do vi phạm quy định tại khoản 5 mục 2 Điều 5 Luật Dịch vụ Việc làm.